# 六畜

# LỤC SÚC.

## LES SIX

## ANIMAUX DOMESTIQUES.

PAR

P. J.-B. TRƯƠNG-VĨNH-KÝ.

士載
張永記

SAIGON

IMPRIMERIE DE LA MISSION.

1887.

# 六畜

# LỤC SÚC.

## LES SIX

## ANIMAUX DOMESTIQUES.

PAR

P. J.-B. TRƯƠNG-VĨNH-KÝ.

士載
張永記

SAIGON

IMPRIMERIE DE LA MISSION.

1887.

# LỤC SÚC.

Lục-súc là *Ngựa, trâu, dê, gà, chó, lợn* (*heo*). (*Mã, ngưu, dương, kê, khuyển, thỉ*). Sáu thứ ấy nguyên bởi người-ta hay nuôi, nên kêu là *Lục-súc* (sáu con vật người-ta nuôi).

Ta đem riêng ra đây biệt loại, có ý nói dẫn cho rõ hơn, cũng đem cái thơ *Lục súc tranh công* là thơ người-ta nói vua Thiệu-trị làm ra mà ngăn lòng đình thần hay tranh đua với nhau.

Thơ ấy nên coi để cho ai nấy xét bổn-phận mình với bổn-phận riêng kẻ khác mà so-sánh tranh lành tranh tốt với nhau; đua làm danh phận riêng mình cho hay thì là hơn. Như vậy khỏi phải nhọc lòng ganh-gổ, ghen-ghét kẻ khác mà bỏ không coi lại nơi mình mà trau mình mình. Xưa người-ta bày mà vẽ hình người mang 2 cái túi, một cái để trước ngực, một cái để sau lưng; cái trước ngực là cái để chứa những sự lỗi kẻ khác; còn cái sau sau lưng là cái đựng những sự xấu của mình; mà không thèm coi đến, cứ để dòm-ngó xem-xét của người-ta mà-thôi. Sao chẳng nhớ ời sách dạy rằng: *hữu chư kỉ nhi hậu cầu chư nhân; vô chư kỉ nhi hậu phi chư nhân*. Phải có nơi mình rồi hãy nên tìm nơi người; phải mình không có (lỗi) nơi mình đã, rồi hãy bắt lỗi nơi người-ta mới được. Ai đều có phận riêng nấy; ai cũng không sướng hơn ai, mà cũng không cực hơn ai: mỗi người riêng mỗi phận, riêng mỗi kiếp. Nên cứ phân-bì ganh-gổ nhau làm chi vô-ích? Cũng chẳng nên chê-bai khinh-bạc lẫn nhau vô lối: vì phải nhớ trời đã sinh ra *nhơn nhơn các hữu kì tài, vật vật các hữu kì ích*,

## 1. — NGỰA (MÃ).

Con ngựa là con *súc* dùng mà cỡi, mà kéo xe, v. v. Trong nước Annam có xứ Phú-yên, Bình-định có nhiều hơn hết.

### SẮC NGỰA :

HỒNG — *điều,* ( hồng đỏ ); — *lão,* (mình hồng; mao cáp trắng); — *lợt,* (sắc lợt hơn sắc ngựa đạm); — *đinh,* (— sậm).

TÍA — *son,* đỏ ít hơn hồng điều. — *mật,* sậm vừa. — *khói,* sậm đen. — *cháy* là tía sậm.

KIM — *than,* lúm-đúm đen trắng. — *xanh,* gần như kim than. — *lem,* trắng có lém-đém đen, trước đen lem sau trở trắng.—*lân,* mao cáp chơn đen, mình trắng. — *trắng,* toàn sắc. — *qui,* lúm đúm đen trắng như vảy qui.

Ô — *cát,* đen vừa-vừa; — *quạ,* sắc đen lánh đen hắc.

HỞI — *bông,* mình trắng tuốt. — *đồng*, có hơi vàng-vàng một chút.

BÍCH sắc xám-xám mốc-mốc. — *xanh,* thiệt sắc bích.

SÉO — *xanh,* lông đen lông trắng.—*điều,* lông điều lông trắng.

ĐẠM — *chỉ,* có cái chỉ trên lưng từ cáp ra tới đuôi.—*giấy,* trắng hơn — (=đạm sáp). — *bông,* — to lông, trắng mốc. — *sáp,* mình trắng không phải trắng không phải vàng (=đạm giấy). — *đồng,* lợt vàng-vàng.

HẠC — *trắng,* trắng phau hết cả.—*phèn,* trắng có hơi vàng-vắng.

KHỨU — sắc sậm hơn ngựa tía. Ngựa *miên* = ngựa *vá.*

### MÌNH NGỰA :

Ngựa thì có *mao* có *cáp* lại có *mao để, dài đòn, vắn đòn,* hoặc *lưng tôm,* hoặc *kiều an* (oằn lưng xuống), có con *xuôi hậu tọa voi, lộ biêu*; *dày sườn* bền ngựa; *chày* nhỏ, *chấn tự thất,* tai *vạt trúc, móng đứng,* móng chuông, móng chài = móng vảy ốc — vọp (= vẹm ) sâu *vè tên* thì tốt.

Nhỏ lông, béo, đầy, sung mình, đứng tàu hí, sịt, dậm inh-ỏi. Ngựa nhỏ thì kêu là ngựa *cu* ( ngựa ri T. ); có con mình bầu, có con mình nai. Ngựa có đặt tên.

### NƯỚC NGỰA :

*Sải, nhảy sải.* Tế, *tế lớn, tế nhỏ.* Kiệu, *kiệu dậm, kiệu giả pha*

*tè nhỏ, pha-phách,* nhảy *chơn ba.*

Có con đi *câu đầu phụng vĩ* coi xinh lắm; *đi đầu trên,* đi *cuốn vó* hay-là *bỏ vó hum, vó lật,* tiền *bộ* hậu *phi, khai hậu,* rộng bộ; rộng cự, vó chải (cuổi), *búng* tới qua mặt, ngồi thì êm, coi thì sướng con-mắt.

Cỡi nó phải *cầm cương* cho thẳng, kẻo nó *sụm,* có con nhẹ mép, con *tao* nặng *tao* nhẹ, nặng cương nhẹ cương, *dai cương, lều cương, lệch* (chếch) cương.

Có người cỡi *vế trên,* người cỡi *vế dưới.* Cỡi theo phép thì hình như khô mộc, hai cánh tay khít nách.

ĐỒ NGỰA (KIỀU KHẤU) — Thắng ngựa thì có *kiều-khấu, mặt khấu, dây ốc* cột hàm-tuiết, nơi hàm-thiết có 2 *con tôm,* (chông trái ấu) 2 bên 4 *cái thòa,* có *nạm* có *hườn* (huyền), có *tụi,* trên có *dây cương, dây khóa;* cổ đeo *bản lạc,* lạc *trái chanh,* lạc *chữ thọ, lạc ve,* đầu có *cúc,* có *khuy,* tra vô *bản.* Trên lưng có *lá thí* (thúy), có *yên, lá tố* 2 bên có 2 *lá vế,* có *đôi dậm* bên này bỏ qua bên kia có 4 con *lằn,* bộ *bả đưng* có *nài,* treo vô yên 2 bên bỏ xuống, dưới chót có *chơn-đưng,* có dây *thắng đái* 2 đầu có *xách* (khoen) mà thắt dưới bụng ngựa. Sau có *hậu thu* có *xách* néo vô yên; trước cổ có *lá phủ tiền,* sau đít có *lá phủ hậu,* có *tụi rơi* trước sau.

CHỨNG NGỰA — Có con *lậu-đệ* hay què đi nhúc-nhắc; xuống móng (ra móng mới) thì nhắc cà-nho xỉa tiền. Có con hoặc *đạp đề,* hoặc *cọ đề,* hoặc đi *quẹt* chơn sau; hoặc *cổ-xạ,* hoặc *sa hoàng* thì là ngựa hư. Lại ngựa chứng có con *dựng, lăn, ngồi, thối hậu, né, tràn, trớ đường, chồm, chụp, đá, cắn, cất.*

XOÁY, (tốt, xấu) — Xoáy Tam-tinh, 3 cái đóng ở giữa trán.
— triều-thiên, là như 3 cái xoáy đó đóng cao lên trên.
— gióng, là 2 cái xoáy đóng 2 bên mép tai.
— lạc gióng, là xoáy gióng mà đóng trịch xuống dưới bản cổ.
— độc đao, là như nó ở tại bản cổ mà có một cái mà-thôi.
— đàng xà, 2 cái gióng đóng ngay mà trịch xuống xa.
— tiên là 2 cái xoáy đóng ngay 2 bên ức (nô).
— nô là xoáy tiền mà có 1 cái đóng chính giữa ức.
— đầu o, là xoáy nô không loả, nó vận tròn xoắn khu ốc lại.
— yết hầu, xoáy đóng ở giữa ngay họng.
— máng, 2 xoáy đóng 2 bên dưới hàm.
— vân-anh, xoáy có 1 cái đóng ngay giữa xương sống.
— hỏa tiền, xoáy đóng giữa dưới bụng thân trên rún.
— hậu đái kiếm, 1 hay-là 2 cái đóng ở sau gót chơn sau.
— vạn, 2 xoáy 2 bên hông, đừng treo đừng trễ thì là tốt.

— hậu tán mòn, xoáy 1 cái đóng trên trái vế.

Ngựa 4 chơn dưới mao-đề có 4 xoáy thì là ngựa hay (thiên lý mã.)

Gáy ngựa rẽ ra hai bên thì kêu là *phân-tông*.

Đuôi mập cộng ( bắp đuôi ) chè-bè nhiều lông cong-quẹo kêu là đuôi *bẹ dừa*.

Đuôi ốm, tong cọng, xơ-rơ thì kêu là đuôi *lành-canh*.

Cổ ngựa ền ra ngay đơ thì kêu là *cổ lãi*.

Đi *đầu lỡ*, hay-là *cổ lỡ* thì là không phải đi *đầu trên* mà cũng không phải đi *đầu dưới* cho thiệt.

Cổ bản-rô là cổ vấn, lớn mầy giữa.

Ngựa khiến nó đi bên nào thì *nhích cương* bên nấy; muốn biểu đứng lại thì nói : *Họ*.

## VOI. (TƯỢNG c.)

Voi có voi *rừng*, voi *dụ*.

Voi đực.

— *nàng* là voi cái. — *sò-đo*, voi cung ngà. — *bò-cóc*, voi nhỏ con.

— *chúa đoàn*, con cầm bầy. —*một* (ngà). —*vinh* (ngà) — *tréo* ngà.

Voi thì có vòi, có ngà, có nanh, con mắt nhỏ, tai lớn, chơn đứng, lưng khum, tọa dốc.

Trên lưng bắc *bành*, trước cổ có *thằng nài*, cầm *vố*, khi đậu lại, thì *kiềng* chơn rồi mới thả.

Voi *đánh*, voi *tét*, voi *ré*, voi *rống*. Khi nó *sổ đú* thì nó hung ắm. Người-ta có đặt cái vè con voi, để nói đi nói lại mà chơi rằng :

*Tạo ơi là tạo, tạo ở rừng xanh, tạo ăn lá tranh, cùng là cỏ đế, cha mẹ làm khế, bán tạo cho ta, những thuở nên ba, đem về dạy dỗ, lấy dây cột cổ, lấy vố đánh đầu, biểu đầu thì đầu, biểu mẹp thì mẹp, ở cho có phép, mai mốt về dinh, trai gái gập-ghềnh, tạo ơi là tạo.*

Voi khiến nó đứng lại thì la : *Đón;* biểu lấy vòi mà bắt thì la : *Quơ;* biểu quì thì la : *mẹp,* (*mọp*).

## 2. — TRÂU BÒ. (NGƯU c.)

Trâu cũng có trâu rừng, trâu nhà; trâu rừng có *chúa đoàn,* trâu nhà thì có trâu *cầm bầy*. Trâu nhà nuôi mà *cày, bừa*, xe, cộ, đạp lúa. đạp mía; khiến đi tả hữu, thì nói *thá* (tả qua hữu), *ví* (hữu qua tả)

*oanh* là, hoặc quanh qua tả hoặc quanh qua hữu; *giò* là biểu đứng lại (*tắc rì* T.) Còn *nghé* thì thả không, mà lớn lên thì có *xỏ mũi*, *dây mũi* thường bằng mây đánh. Nó hay *nghinh*, hay *báng*, hay *chém*.

Bụng bầu-đài, tai lá mít, trít móng con, tròn móng cái, lẳng khía sừng, dày xương sườn, to bắp đuôi, là trâu tốt.

Lộ *biêu*, hay ốm, dưới âm-môn có xoáy, thì ranh con ( = đẻ hay chết). Đỏ con-mắt hay sịt hay chém vặt. Sâu khía sừng, thưa xương sườn, móng *chèn-bẹt*, nhỏ cộng đuôi thì là trâu xấu. Có khoang trắng dưới cổ mà vòng lên 2 ngọn đều chia ra hai như cây nạng kêu là *trâu khoang nạng*, cũng xấu.

Mẹ trâu đen đẻ con trâu trắng, mỗi người mỗi mắng nói để làm chi.
Mẹ trâu trắng đẻ con trâu đen, mỗi người mỗi khen, biểu để làm [giống.

Trâu *cò* ( = trắng ), mình trắng hết. — *đen*, mình đen hết, hoặc mình đen lang chơn trắng. — *cui*, 2 sừng trùn lại ra không đặng dài. — *mạp*, 2 sừng đều quặp xuống đất. — *bò nọn*, là trâu đẹt, nhỏ con. —*mờm*, là trâu dậy trái cổ.— *u*, người-ta nói tiếng đôi làm-vậy là vì có con u, hình tượng in con trâu hết, mà không có sừng. — *mộng*, là nghé đực chưa vực chưa xỏ mũi.

## BÒ.

Bò có bò rừng bò nhà. Nó hay *cụng*, *đụng*, *báng*, *đá*. Nuôi nó để cày, bừa, đi xe....bò cũng khiến *thá*, *ví*, còn khiến đứng lại thì nói : *Xộp*.

Bò *mốc*, trắng hết cả mình mà trắng mốc-mốc vậy. — *ô*, đen hết cả mình, có sặm có lợt. — *khứu*, sắc lông trắng đục-đục. — *lước*, lông trắng dợt-dợt đen-đen, mà lợt hơn khứu. — *vá*, là lông nó có miếng trắng miếng vàng miếng đen. — *phèn*, lông hue-hue như nước phèn. — *vàng*, mình vàng hết, có sậm có lợt, có thứ có *sọc* đen dài trên lưng cho đến đuôi. — *lem*, lông không vàng không trắng mà có hơi đen-đen. — *ben*, cũng là bò lem. — *đính*, có đính trắng trước trán như ngựa bướm trán. — *vện*, mình vàng có vằn như vằn cọp. — *cui*, 2 sừng nó trùn lại như trâu cui. — *mạp*, 2 sừng nó quẹo xuống. — *u*, trên trán có u lại không có sừng. — *gu*, có cái gu cao lên trên chả vai. — *nghé*, là bò con, còn tơ lắm. — *tơ*, bò con còn nhỏ tuổi. — *me* (T. mê), là bò con chưa có sừng. — *hoa* (T. = bò không có thiến). — *mộng* (T. = bò thiến).

Hễ là trâu bò chẳng hạng, khi không mà sút đi 1 sừng thì hệ chủ.

Trâu bò cũng như chó, có đặt tên riêng cho mỗi con hết thảy.

Khi *xổ mũi* thì kêu là *đàm ghim;* khi tập nó đi cày hay-là đi xe thì kêu là *vực* bò *vực* trâu.

Trâu bò cũng *nhảy cái, chịu đực;* mà khi bò hoặc nục mỡ ức báng hoặc rượn đực thì kêu là *Bò dông.*

Trâu bò thì lấy da lấy sừng, bò hay ăn thịt hơn là trâu.

## XE BÒ.

*Vòi đờn* là cây cong lên đâm ra trước để treo mũi bò hay-là treo [lạc bầu.

*Cái xe,* là cái cây chạy luôn ra vòi đờn.

Ách —, cây ngang để mắc cổ bò.

Răng —, 2 cây tròn nhỏ xỉa xuống phía ngoài đầu ách.

Cái *dục* là khúc cây vắn ở giữa ví.

*Ví*, là 2 cây tròn nhỏ đút vô *đùm* xe.

*Thang* là 4 cái thang giăng qua, cưa ngàm hai đầu để kềm *thanh xe.*

*Đuôi tôm* là 2 cái chót thang xe.

*Bánh xe,* là cái vành tròn có đùm ở giữa, có căm xỉa ra, để cho [nó lăn.

*Vành xe,* là cái vòng ngoài bánh xe.

*Căm xe* là những cây xỉa vô đùm.

*Đùm* (=tum) là 2 khúc cây tiện tròn, lớn khúc giữa để xỏ căm xe, đục lỗ tròn xỏ *ví.*

*Đòn gánh xe,* là trước 1 cây, sau 1 cây đâm ngang qua.

*Chà rẹt,* là 2 cây dọc 2 bên giúp 2 cây ngang.

## XE TRÂU.

*Thanh* xe, 2 bên 2 cái.

Ách. (V. ách xe bò).

Thang, là 5 cái gác ngang qua thanh.

*Ngà* xe, là 6 cái chốt cao xỏ lỗ đứng lên mà đỡ đồ chở.

*Tuồng* xe, là 2 bên mỗi bên 3 cây đứng vắn hơn cây ngà, có 5 cây dọc tra vô lỗ 3 cây đứng.

*Con suốt* là cây chốt tròn thấu bên nây qua gối bên kia, để mà buộc néo *gối* với ví cho chặt.

*Ví,* là một cây luôn qua thấu 2 bánh.

*Bánh* xe, làm bằng cháng cây lớn nguyên 1 tấm.

*Tum* xe, là lỗ giữa bánh để vô 1 khúc cây làm tum có đục lỗ để đút ví vô.

*Gối* xe là 2 tấm cây *vắn để chính giữa thanh* xe, chồng lên trên cây ví, có néo dây.

## CỘ.

Cộ để mà cộ mạ, trước có cái ách mác trâu; sau có 2 cây dài cong quớt đầu lên, tra thanh ngang có 4 trụ, lại có gác 4 cái thang bắc ngang qua, 2 đầu có cưa ngàm kềm lấy để chất mạ, chất lúa bó mà kéo. Ván kéo mạ một hay-là nhiều tấm ván cong quớt lên có dây cột mà kéo mạ qua chỗ đất sình.

## CÀY.

Một cây dài cong-cong chạy ra trước có cái mấu để máng nài dây vô ách kêu là *Bắp cày,* giữa bắp có một cây chốt xỏ xuống kêu là *náng cày;* ở dưới một cái cây cong như chui sao đầu, trước để tra lưỡi cày, kêu là *Mỏ cày,* sau vót tròn để cầm mà cày kêu là *chui cày.* Ở dưới chỗ tra *náng cày* mà trên mỏ cày có tra một tấm cây vuông mà xéo, lại đẻo lòng nó nao-nao, kêu là *Trạnh cày* để khi cày nó cảng đất cho đất lật úp lại.

## BỪA.

Trước có 2 cây dọc giụm đầu lại, chẳng đuôi ra kêu là *Gọng bừa.* Một tấm cây vuông ngang qua, một phía đục lỗ tra 2 đuôi gọng ấy kêu là *Tấm bừa,* dài 5 thước 5 tấc. Bề dưới có 9 cái răng bằng cây dài 2 tấc rưỡi. Trước gọng bừa có nài máng vào ách.

## TRỤC.

Hai bên 2 tấm cây đứng trên nhỏ dưới lớn kêu là *tai trục,* phía trên có cây văn giăng ngang qua, lại hai bên tra 2 cây dọc như gọng bừa. Dưới một khúc cây lớn có 5 khía như trái khế, kêu là *ống trục,* 2 đầu tum nhỏ lại tròn tra vô 2 cây đứng, ( = là tai ) để khi kéo nó lăn theo nó nhận cỏ. Người thì đứng trên thanh ngang mà *đánh trâu mà trục.*

## VẦN CON TRÂU.

Con trâu ở với nhà giàu, làm tôi hết sức: nên ba thì *vực,* nên bốn kéo cày, kéo cho nửa ngày, giờ ngọ mới mở, lên bờ mà thở, hết mệt thì ăn, xe cộ lăng-xăng, dầm mưa dải nắng, đói ăn chẳng

đặng, lội lấm lội bùn, gai-gốc cũng chun không ai triu-trớn, ai nuôi mầy lớn, ai dưỡng mầy già? Kẻ thì lột da, người thì căn trống, máu chảy đầy đống, nhuộm lưới đi săn, thịt thì xáo ăn, xương sườn làm vạch, cứt thì trét vách, trồng cải đỏ dưa, sừng thì lại cưa, tù-và mà thổi, làm nên mọi nỗi, lược dày lược thưa, tiện ra con cờ tiện ra cán mác, làm bầu thợ giác, tiện ra cần cung, tiện huyền cây giàng, tiện thoi dệt cửi? . . . . .

BÒ RỪNG.

Bò rừng mà tách bầy ở riêng một mình thì là *Con gin*. *Gin cỏ*, là khi gin nó còn hay ăn cỏ. Mà *Gin rắn* là khi gin nó hết ăn cỏ mà ăn rắn, nên người-ta nói sừng nó kị rắn.

*Bò tót*, có kẻ tưởng nó cũng là con gin.

Kêu trâu thì kêu: *àng-ê!* hay-là *nghé ngọ!*

Tên hay đặt cho trâu mà kêu là Trâu *bẩy, — dồng, — đụng, — xông, — tượng, — voi, — chẳng, — trít, — đàng, — pháo, — mầm, — him*. . . . . .

TRÂU TRÁCH CHỦ.

Trời sanh tao có một hàm răng, ăn cỏ đất đồng uống nước bờ ao, tao sống mầy chẳng thương tao, tao chết mầy lại cầm dao xẻ mình, thịt tao mầy để nấu ninh, da tao bịt trống, tụng kinh trong chùa, sừng tao mầy tiện con cờ, cán dao, cán mác, lược dày, lược thưa. . . . . .

## 3. — DÊ. (DƯƠNG)

Dê cũng có thứ *dê nhà, dê rừng* (*linh dương*).

Nó cũng có nhiều sắc, có con trắng toàn sắc, hoặc đen hết cả mình, hoặc vá. Hình nhỏ, bụng to, lông dài, râu xộn, vấn đuôi; đực cái cũng đều có râu có sừng. Ăn thì ăn tạp-nạp, có khổ-qua với xương-rồng nó không ăn mà-thôi. Ăn no hay giỡn mặt cụng nhau, hay leo-trèo chổ cao mà nằm, tiếng tục hay nói: *rề-rề như dê nằm miễu*. Cũng là một thú nuôi phải có người chăn.

Loại nó thường dùng về việc tế lễ; lễ *tam lao* gọi nó là *thiêu lao* Thịt nó ngon, ăn bổ.

Con đực mà lớn thì kêu là *dê xồm,* tánh nó hay dâm ; nên tục hay ví mấy người hay ve-vãn, trai-gái vộ-độ, kêu là *hay dê;* lại cũng kêu là *máu dê.*

Dê rừng có 2 thứ :

Một thứ *dê rừng trắng sừng* (chữ kêu linh dương, giải-trỉ c) có một sừng trắng mà cứng lắm; sừng nó đập ngọc kim-cang mới bể. Trào Nguyễn, niên-hiệu Triệu-trị năm nhâm dần (1843) mùa-xuân, ở ngoài thành lăng Hiếu-lăng có một con chạy lạc tới, quân giữ lăng bắt được dưới chầm, đem dàng cho vua nuôi. Coi lại với con dê rừng đen sừng có khác nhau.

Sừng nó hay trị chứng *kinh-phong.*

Một thứ *dê rừng đen sừng* (*dã dương, nguyên dương* c, *sách bổn thảo*). — Hình nó cũng như dê nhà, mà có *sồn* hơn; thịt nó ăn ngon thịt, hiền không độc. Nó kị nọc rắn, cùng hay trị chứng chói nước.

## 4. — GÀ (KÊ).

Gà vịt là súc nuôi mà ăn, hoặc lấy trứng, hoặc ấp cho nó nở lấy con. Gà có trống có mái; có *mồ* có *mồng*, có *tích* có *cựa*. Gà trống gáy điểm canh, gà mái đẻ trứng, ấp con, tục-tác, túc. . .

### GÀ RỪNG.

Gà *lôi*. Gà *sao*. Gà *nước*. Gà *rừng*. (Coi trong *Loại chim,* chỗ : *Gà*).

### GÀ NHÀ.

Gà nòi ( = chọi, độ ) là gà nuôi để mà đá độ. — Con gà *độ*, gà *chọi* là gà đã đá được.

Gà-*cồ,* là gà nòi, lớn chạng lớn con.

Gà *trục* (trụi) là gà nòi mà còn tơ còn nhỏ, ít lông.

Gà *chấm-niên,* gà chọi nuôi đã được 1 năm rồi.

Gà *lắt tích,* gà chọi nuôi đã khá lâu, ( 8 tháng ) đem cho *xổ một mặt* hai mặt, rồi *lắt tích*, 4 tháng lành, ra độ kêu là *gà chấm.*

Gà-*chim,* là gà dài lông, nhỏ mình, hay bay.

Gà *cúp*, gà lông đuôi vấn và cúp xuống.

Gà *ri*, là gà hoặc sắc chuối sắc vàng, thấp chơn, dài lông cổ, lông đuôi, thường là gà thiến; không thiến thì kêu là *gà kiếng.*

Gà *thiến,* thường là gà ri bắt thiến đi, nuôi vòng cho nó mập mà ăn thịt.

Gà *ác,* gà lông trắng, mà da, thịt, xương xanh đen.

Gà *ngũ trảo* (=năm móng), là gà ác năm móng.

Gà *xước,* thứ gà lông nó xước ngược ra đàng trước.

Gà *chạ,* là gà ngang, hoặc lai gà nòi, hoặc lai gà chim. . . . ,

Gà hay gáy canh, người-ta coi giò mà bói. Thịt nó ăn ngon; gà ác lại nên thuốc. Tục nói: *ếch tháng 3, gà tháng 10* thì ngon thịt.

## SẮC GÀ.

Gà *nhạn,* lông trắng toàn. — *ô,* lông đen toàn sắc. — *nỏ,* (= gà *hoa*), có lốm-đốm, lông trắng điểm đen, đen trắng xen nhau. — *chuối,* trắng vàng-vàng điểm lông tía. — *tía*, sắc đỏ xanh thâm-thâm, xanh đen. — *xám,* trắng trộn xanh, vàng lợt-lợt, — *xám son,* xám có hơi đỏ-đỏ. — *cú,* lông đen có đốm trắng giăng ngang. — *cú son,* lông xám mà điểm trắng. — *vàng,* lông vàng hết cả, hay-là bìa có chạy chỉ đen-đen. — *ó,* mình vàng có điểm son.

Gà chọi cũng có đặt tên mà kêu. Gà *đá* (chọi) nuôi *dỏ*, *bội,* khi đem đi đá thì cho đứng *lồng ép*. Gà ri gà thiến nuôi vòng; còn gà vườn ban ngày thả đi ăn, tối có chuồng nó về nó ngủ. Gà mái *nhẩy ổ, kêu ổ* là khi nó muốn đẻ, nên phải lót ổ cho nó. Để rồi nó *tục-tác;* được khá trứng, nó lên nó nằm nó ấp, nở rồi phải *xuống ổ* cho nó; một lần như-vậy kêu là một *lứa,* một con gà mái đẻ kêu là *một mái gà.*

Người-ta ăn gà, ăn trứng nó hoặc sống hoặc chín, hay-là đập ra mà chiên, lại ăn trứng gà *lộn*, mới lộn *trái vải*; ăn thịt nó thì hoặc nấu cháo, xé phay trộn rau-răm, hoặc *quay* nó đi, hoặc nấu *bí đao,* đậu-đủ. Kêu gà thì kêu: *cú cú.*

## GÀ CHỌI. (=ĐÁ).

Thường người-ta lựa được nòi gà tốt, nuôi nó kĩ-cang lắm, săng-sóc cấp-ca cấp-củm; đến kì (8 tháng) đem đi xổ một mặt hai mặt rồi *lát-tích* đi, 4 tháng lành rồi thành gà chấm; bỏ *lồng ép* đem đi đá kẻo ôm nó giẫy *xòng gà* đi. *Cáp* được chạn rồi (kêu là *đụng chạn*) mới đá, vì người-ta thường biểu: *gà sút chớ đá, ăn về cũng hư.* Cựa sắc quá thì phải qua cựa.

Lựa gà, thường hay coi vẩy, coi tướng, coi tiếng gáy: như *vấn khâu một trâu không bán, vấn cán một cái bánh tráng không thèm.*

*Gà ô chơn trắng mỏ ngà, đá đâu ăn đó thật là thần kê.* Gà đá lẹ thì mỏ xuôi, đuôi vốc. *Bổng thì tục-tục kêu con, thế hầu đá lẹ ai còn dám đương? Nhứt mả-la, nhì ba đội ba né lông.* Nhứt *bò hầu*, nhì mỏ ó.

Vảy nó thì có vảy *hường giáp = vảy son, hắc giáp, thanh giáp, vảy độ, vảy đâm, vảy khoán, vảy nhơn-tự. v. v.*

Đá cũng có nhiều cách :

*Đá chầm.* « vớ, « buộc, « tự-vận, « vỉa, « sổ, « mé, « hầu, « ngang, « bồi. Quăng, vãi chơn không, nạp, chống nạp.

Ca gà. — Già-giạ ông ở trên Mọi nuôi trứng gà Lào, cất tiếng hồng đào nhảy lên đá gượng, xem hình xem tượng, tợ hột cau non, nó đá chẳng vừa mòn, chẳng hay vừa chạy......Gà nó đã lớn mà nhỏ phao câu, đá một hồi lâu đá thâu tận cánh, cánh gà mỏng dánh, cánh gà phê-phê, đến tối gà về gà kiếm nơi đậu, bước qua canh dậu, gà kiếm nơi nằm, bước qua canh năm, gà cất tiếng gáy, đầu ởi dầu nẩy dầu gần dầu xa, nghe lấy tiếng *gà đồng hòa thức dậy.*

## VÈ ĐÁ GÀ.

Lẳng-lặng mà nghe cái vè đá gà :
Khi mới đẻ ra lo mua rắn hổ,
Để cho gần ổ, gà ấp lấy hơi.
Phải cho ròng, nghề-nghiệp ăn chơi,
Sau đá chọi, cũng nhờ độc rắn.
Gà vừa mới bằng trang cổ-cẳng,
Bắt đem ra coi trước nhắm sau,
Đầu gốc tre, con mắt bò-hầu,
Rộng khoé miệng cùng là mỏ ó,
Đã thêm vảy độ, lại có vảy linh,
Hể vổng đuôi xuôi mỏ tài lành,
Túc tục-tục, đầu thì hay lắc,
Đã lẹ quăng, lại nhặm đá hầu.
Có vấn-khâu, cầm đáng một trâu,
Bằng vấn-cán bỏ ra ăn thịt.
Cất tiếng hét gáy nghe chẳng kịp,
Ấy là gà nhứt hạng thanh la;
Gáy ngập-ngừng một tiếng sanh ba,
Gà nhì hạng kêu là ba dội.
Nuôi triu-trớn một ngày đến tối,
Là trong nhà đuổi chẳng thèm đi;
Bảy tám trăng xổ thử một kì,

Coi đòn đá cùng là lắt tích,
Chơi đủ thứ mới ra bợm lịch;
Nuôi cho vừa ra độ một năm.
Cùng anh em đá độ hôm rằm,
Cáp vừa chạn mới làm một độ,
Kẻ thì vào sổ, người lại đá ngoài,
Lâm cuộc chơi chẳng kể ai ai,
Biểu gà nó đánh cho bể óc.
Hễ con nào đá cộc đá một cái đặng đau
Đều cất tiếng với nhau ré lên la: nó nó !
Kẻ cho nước, chăm-chăm mắt ngó,
Quần xăn lên, áo buộc vào lưng,
Nhúng nước khăn ngậm miệng làm chừng,
Ra khỏi thép bắt liền phun sổ.
Khi cho nước, bóp chơn thổi mỏ,
Chà hai tay chẳng sợ mất công,
Bỏ ăn trầu hút thuốc cũng không;
Người lại biểu mút mồng một cái
Đã chẳng kịp coi đi coi lại,
Cũng không dè máu vấy nhằm râu.
Thả ra thì giành thế với nhau,
Lựa phía nghịch cho gà mình đá.
Đã hết tiếng nói ngang nói chạ,
Lại thêm duyên nhịn đói nhịn trầu.
Chốn trường gà ba tấm ván dầu,
Ai như nấy cũng đều chồm-hổm.
Kẻ đá trường người thì đá xóm,
Đã thua hơi rồi lại thua tiền,
Khuyên vợ con chớ khá ưu-phiền,
Độ nầy rủi không ai ăn vớt;
Thua cho đến hết tiền hết bạc,
Cũng vì tin vảy khoán vảy linh.
Vợ chẳng thương chưởi xuống chưởi lên;
Cũng vì mác gà nầy quáng sổ,
Nhơn-tự-thới, lại nhiều vảy độ,
Cựa không đâm thì ván ngựa phải đâm.
Hắc-giáp chơn đã có đòn tài,
Đòn không cáo mà bầy trâu đã cáo,
Chúng máng nhiếc mượn rồi nói láo?
Vì đá dai nên mới phù đầu;

Nhà tan-tành việc bỏ chẳng lo,
Vì cấn vỉa cho-nên bò gối.
Tội ôi là tội ! chơi hỡi là chơi !
Vậy cho nên ai nấy trong đời,
Mê gà chọi muông-săn cũng mạt.

## VỊT.

Vịt xiêm, — ta, — lai, — nước.

## MẸ GÀ CON VỊT.

Vịt rằng : vịt kêu chút-chít, mẹ vịt đẻ ra đem lên ổ gà, mẹ gà nuôi-nứng, chịu đã cơ hàn; con-vịt đa đoan nhảy ùm xuống nước, ra đi cho được : chơn nó thì chèo, miệng nó thì reo, cánh nó thì đập ; gà kia lóng-nhóng đứng trên bờ ao : cám-khổ thân tao : *vịt đà bất ngãi cùng tao* đã rồi !

Vịt nuôi lấy *trứng*, hoặc ăn thịt, hoặc bán vịt cặp. Làm thịt thì bắc nước, cắt cổ, nhổ lông, mổ ra, rửa-ráy rồi hoặc nấu cháo, hoặc quay đi, hoặc tìm, hầm nó đi mà ăn. Trứng nó kêu là *hột vịt ; vịt chưa đủ lông kêu là vịt bận áo lá.*

Vịt *cò,* trắng toàn cả mình. — *đen,* lông đen-đen toàn sắc. — *cà-cuống* là vịt lông nó nhứt là lông đuôi nó cuốn chót lại.

Vịt *sen,* lông trắng điểm tía; xanh như sắc cánh con quit. — *rằn,* lông hue-hue mà có điểm đen điểm trắng. — *bầu*, vịt lớn ( = vịt cồ). — *đàn,* nhỏ con nuôi ngoài đồng. — *cồ,* vịt trống lớn. — *tơ sà*, vịt tơ mập béo, sà đít gần đẻ.

## NGỖNG.

Ngỗng cũng có *ngỗng rừng* kêu là *ngỗng trời*, và *ngỗng ta* là những sắc nầy :

Ngỗng *cò*, ( hạc, nhạn ). — *sen* (rằn). — *chúi* là nó ngay cổ nó ra nó rượt nó đọa.

## BÒ-CÂU (CU).

Bò-câu rừng có những thứ sau nầy :
— — *xanh,* lớn con, lông nó xanh. — — *đất*, lông xám-xám lợt-lợt, cổ có khoang, có hột cườm lúm-dúm trắng đen. Nó hay gáy,

hoặc nuôi tập làm *cu mồi,* mà đi *rập,* đi đánh cu khác. — — *gầm-ghì*, như cu xanh mà lớn con hơn. — — *lửa*, lông xám-xám hồng-hồng, cổ cũng có cườm như cu đất. — — *ngói*, mình xám-xám, cánh ửng đỏ-đỏ hồng-hồng. — — *gạch*, mình xám-xám hồng-hồng cũng như 2 con trên.

BÒ-CÂU NHÀ.

Bò-câu *nhạn*, lông nó trắng tuốt đi cả. — — *gầm*, lông xanh biếc như cánh quít. — — *hoa*, lông trắng xen lông đen. — — *gạch,* hue-hue như màu gạch. — — *tất*, là cu chơn nó có lông. — — *mồng,* có chóc-mao. — — *cưởng,* mình nó như mình cưởng.

Cu nhà nuôi có chuồng, nó đẻ nó sanh-sản ra nhiều. Nó gù, nó chuyền hơi, nó đi tha mồi về đút cho con nó ăn.

ĐI LỤP BÒ-CÂU PHÚ.

1. Tranh treo mấy bức sơn-hà,
Đồ gói một bầu thổ võ. (1)
2. Chớn-chở gành-nghê bãi-ngọc,
Liếu-lăng thay uốn khúc long-xà!
Đỏ vàng cỏ huệ hoa lan,
Rực-rỡ bấy phơi màu cẩm-tú! (2)
3. Sông hương thủy khói tan sóng lặng,
Thinh-thinh kia, chú vãi chài ngư;
Núi bình-sơn gió mát trăng thanh,
Hăm-hăm nọ, người giăng lưới thỏ. (3)

---

(1) *Sơn-hà* là núi sông, chỉ cảnh sơn-thủy xinh-tốt như bức tranh treo vậy. Còn *đồ-cảnh* thì đất gom lại một bầu.

(2) Trên non chớn-chở gie ra làm gành làm bãi; dưới sông lăng-líu quanh-co cong-quẹo như con rồng con rắn; hoa-cỏ tươi-xanh chổ sắc vàng chổ sắc đỏ, coi rực-rỡ như gấm thêu.

(3) Chỉ nhân cảnh trời đất xinh-tốt như bức vẽ như tranh treo, thì sinh ra thú vui chơi: Dưới sông rộng thinh-thinh, không sóng không sương, thì có người đi chài, đi lưới, đi câu tôm câu cá;

4 Số-là trăm kiểng trăm xuân,
Nhưng-vậy mọi người mọi thú. (1)
*Nhớ tánh xưa:*
5 Cội đức lăm bồi,
Nền nhơn báo-bổ.
6 Đạo cao bước tới,
Trong nhứt sanh, câu trác ngọc hãy còn giồi;
Cung cứng hằng trương,
Ngoài trăm bước, chữ xuyên giương hãy chẳng thấu. (2)
*Vậy nên phải:*
7 Nuôi chim mồi noi thửa dấu xưa.
Vui lòng rấp theo cùng bạn cũ. (3)
*Nọ cái chim cu:*
8 Cánh phụng, chơn hồng;
Lưng công, đầu sáo. (4)
9 Của nuôi thân, lúa-má tràn đồng,
Đồ sức-phục, hột cườm đeo dây cổ. (5)
10 Lẩu ba khoa ngôn-ngữ,
Dùng tiếng gù tiếng gáy tiếng chiêu. (6)
So năm bực cung thương,

---

trên bộ rừng núi trăng thanh gió mát, khiến ra có người hăm-hở đi săn đi bắn, đuổi hươu nai cheo thỏ.

(1) Dẫu-mà cảnh nào cũng là cảnh vui; mà tánh người-ta một người một ý: kẻ ưa thú nầy, người ưa thú kia, tùy kì-thích.

(2) Chỉ nghĩa là đi lụp bò-câu thì cũng là việc có đức vì bắt được thì để sống, đem về nhà nuôi trau-tria nó. Vậy mà đâu-đâu đánh cũng được; chớ kẻ bắn giỏi ( xuyên-dương xạ hộc) hễ ngoài trăm bước thì bắn không thấu.

(3) Bởi sẵn lồng lụp đồ-cuộc của nhà ông cha hay chơi để lại, nên cũng đòi theo thú chơi ông bà mà nuôi bò-câu mồi để đi dánh chơi với bạn-hữu anh em cho vui.

(4) Tỏ hình-tích con bò-câu ; Cánh như cánh chim phụng , chơn như chơn chim hồng, lưng như lưng con công, đầu như đầu con sáo.

(5) Ăn thì có lúa-má thiếu gì, mặc ( làm tốt ) thì có hột cườm quanh cổ như đeo chuỗi hột vậy.

(6) Tiếng kêu cũng đủ cách hoặc *gù*, hoặc *gáy*, hoặc *chiêu*,

Có giọng kim giọng đồng giọng thổ. (1)
11 Nội Châu non Thuấn ngày vui,
Cội bá nhành tùng tối ngủ. (2)
12 Ngãi tấm-mẳn nặng nguyền giai lão,
Đạo thất-gia hằng vui chữ xướng tùy;
Thề phong-cương quyết gắng hơn thua,
Trường chiến-đấu cũng ra tài thắng-phụ. (3)
13 Ruộng tam-bảo dẫu dưng cho chùa-miễu,
Cũng đem nhau tới lấy khẩu-phần;
Vườn tứ-lân bất luận thuộc công tư,
Thầy chia chúng về làm tài chủ. (4)
14 Đã xong một nỗi chim mồi,
Lại sắm các đồ khí cụ.
15 Gầy nang kiếm lá,
Tạo cái lồng cho dáng rập thanh-bai;
Phát gốc rẽ gai,
Tìm cái gộc cho khúc-khiu kì-cú. (5)

---

(1) Giọng cũng có bậc cao thấp: là giọng *kim* giọng *đồng* giọng *thổ*.

(2) Ban ngày thì bay đi chơi vui mặc sức hoặc dưới nội nhà Châu, hoặc trên non vua Thuấn (=ngoài đồng trên núi).

(3) Trời đã phú tánh cho nó cũng có đạo vợ ngãi chồng cũng lo sinh-sản nối dòng; lại cũng có lòng mạnh-mẽ mà binh-vực chốn riêng mình ở, đồng riêng mình ăn; có con khác lạ xứ tới thì xua đuổi, nên sinh ra có đá nhau mà tranh giái.

(4) Ruộng vườn ai mặc lòng, bò-câu nó cũng tới nó giành phần ăn, chia giái ra với nhau không cho bọn khác tới loán.

*Ruộng tam-bảo*, = ruộng ( vô chủ ) bông-lông không về của ai, hễ thuộc về chùa thì gọi là *tam-bảo* hay-là *tam-bửu*.

*Vườn tứ-lân*, = vườn xung quanh bốn phía.

*Công* là của chung, hoặc của nhà-nước.

*Tư* là của riêng.

*Khẩu phần* là chia tay nhau ra mà ăn, mà cứ chia miệng vậy.

(5) Làm cái lồng nuôi bò-câu thì kiếm nang cây cho tốt, lựa dáng cho đẹp cho xinh; đi phá gai-gốc mà tìm cái cây làm cầu lồng cho khúc-khiu dị-kì-cú mới nghe cho,

16 Trau vành uốn nẹp,
Nắn ra hình trái lựu trái lê;
Xấp cánh đâm cầu,
Trổ ra dáng đầu long đầu hổ. (1)
17 Dưới trên đều có chuẩn-thằng,
Cao thấp mía in qui-củ. (2)
18 Chim thả vào, người nhắm cũng xinh;
Treo lên đó, ai qua cũng ngó.
19 Đơn-tự biểu-ẩm,
Lộc tại kì trung;
Tất hộ bồng môn
Thanh như yêu-cổ. (3)
20 Thời vị-ngộ, ngày riêng luyện tập,
Đêm đêm hằng gáy nguyệt gù sương;
Vận hữu-vi, chí cả hưng nồng,
Ngày ngày những chiêu mây tróc gió. (4)
21 Lăng-xăng điều cậu chớp-lòa,
Giấp-giới khăn điều che phủ.
22 Người xa nhắm áo quần khăn nón,
Phỏng chừng âu các cậu anh-danh;
Kẻ tạn nhìn vồ nọc dây roi,

---

(1) Cái vành cái nẹp cũng lo làm cho khéo, trổ ra hình trái lê trái lựu, cầu thì chạm-trổ đầu rồng đầu hổ cho xuê.

(2) Làm cao-thấp rộng lớn có mực-thước kích-tấc cả.
*Chuẩn-thằng* c. là *nêu dây* = mực-thước, độ-lượng,
*Qui củ* c. là *khuôn phép* (=cái xây và cái thước nách).

(3) *Đơn-tự biểu-ẩm* c. = Đãi cơm bầu nước.
*Lộc tại kì trung* c. = Lộc ở tại trong ấy.
*Tất hộ bồng môn* c. = Cửa lá.
*Thanh như yêu-cổ* c. = tiếng tợ tiếng trống cơm.

(4) Khi ở nhà, chưa có dịp đi lụp đi đánh, thì thường hằng thường tập luyện, đêm ngày hát gáy hát gù.

Khi có dịp đi đánh bồ-câu, thì vác sào vác lụp đi ra, chim mồi tập sẵn nó hăng, nó gáy, nó gù nó chiêu bồ-câu ngoài lại cho mắc vào lụp.

*Vị-ngộ* c. là chưa gặp (thì, hồi, buổi.....)
*Hữu-vi* c. là có việc đi ra gác........

Ai cũng tưởng mấy tên trấn-phủ. (1)
23 Trong vi-ác vận-trù quyết thắng,
Mưu-kế dùng mai-phục chi công;
Giữa lừng trời xếp lá rung cây,
Lôi-đình chuyển tật phu chi nộ. (2)
24 Mới rồi tay sẽ nghỉ-ngơi,
Chúc ấy bay về nghỉ đỗ. (3)
25 Cũng có khi dặng bốn năm con,
Cũng có bữa trật năm ba độ.
26 Chênh-chênh ác xế đầu đoài.
Gác gác cây nghiêng bóng dậu. (4)
27 Vườn Thượng-huyển cỏ cây ướm trải,
Vô sự tiểu thần tiên;
Nội châu-nguyên thầy tớ đề-huề,
Hữu danh nhàn phanh-nậu. (5)
Rượu nguyên dầm độc Vị qui thân,
Nhà sấm sẵn những mùi khả khẩu. (6)
Xin anh dùng cho hết dĩa ram,
Mời tớ xơi cho ngon chén xáo. (7)

---

(1) Ở xa thấy bọn đi đánh ( lụp ) bò-câu, quẩy lồng che khăn điều, ăn mặc khăn nón hẳn-hòi, thì tưởng là các cậu phong-lưu đi dạo; mà lại gần thì thấy vác sào, lụp, dây, nọc...... thì coi ra như bọn lính hầu tra vậy.

*Vận trù* c. = tính mưu.

*Mai phục chi công* c. = là việc đánh mưu, núp rình, phục binh [mà bắt.

(2) *Lôi-đình* c. = sấm chớp.

*Tật-phu chi nộ* c. = sức hăng kẻ đi săn, hăm-hở săn cho đặng mới nghe cho.

(3) Đánh được rồi một bận, thì nghỉ, đem mồi xuống.

(4) Hồi mặt-trời gần lặn.

(5) *Vườn thượng-huyển* là vườn chơi đời nhà Hán.

*Nội Châu-nguyên,* đồng nhà Châu.

*Phanh nậu* c. là nấu-nướng.

(6) Sẵn có rượu dầm một vị là vị đơn-qui thân, lại có đồ ở nhà sấm sẵn đồ gia-vị như muối, ớt, sả, rau, chuối v. v.

(7) Nấu rồi hoặc ram hoặc xáo, mời nhau ăn cho hết thịt ram uống rượu; còn lại thịt xáo hoặc cháo thì cho trẻ tùy-nhi đi theo

Trên hát bài *Nghiêu Thuấn* quân dân,
Dưới cẩn-chúc Thái-hoàng thượng-thọ. (1)

## 5. — CHÓ. (KHUYỂN)

Chó thì có chó rừng chó nhà; mỗi loại có nhiều thứ khác nhau.

Chó rừng. *Chó sói.* — *ngao,* lớn con. — *chóc* ( = chó ma ) nhỏ con, chó rừng ở hang, tối ban đêm nó đi ăn như thỏ, sáng hơi lắm.

Chó nhà : Chó nhà cũng có *chó săn, chó giữ nhà,*

Chó, biểu đi thì *xít,* kêu lại thì *ô, mắng chó,* la nó cho nó nín thì la : *Chó! chó nghé! chó nẩy bay!* hay-là kêu tên nó ra một cái; giả như *Vầm!*

Chó có nhiều sắc, vện, vàng, khoan, đốm v. v:

*Chó cò* là chó trắng lông (như con cò).

### SẮC CHÓ.

Chó *vện* là chó có vằn có vện như con cọp. — *vện vàng,* mình vàng vằn đen. — *vện giấy,* mình mốc vằn đen.

Chó *hùm* là chó bộ-tịch dữ ức sa lại có vằn-vện như con hùm.

Chó *gấu,* là chó đen lông như lông con gấu chó vậy.

Chó *mực* là chó lông nó đen thui, toàn sắc.

Chó *bò,* là chó vàng lông lại lớn vậm-vỡ (như con bò).

Chó *vàng,* là chó lông nó vàng khè cả mình.

Chó *vá,* là thứ chó đen vàng mà có vá trắng, hoặc trắng mà có [vá đen.

Chó *luốc,* không trắng lắm cũng không vàng, đen gì lắm, luốc-[luốc vậy.

Chó *mốc,* lông trắng hơn chó luốc, đen hơn chó cò.

Chó *phèn,* lông hue-hue như nước phèn.

Chó *luôm,* mình như chó luốc, miệng lại có luôm đen.

Chó *đốm,* mình như chó mực, trắng ức, nơi trên con-mắt có 2 cái đốm tròn-tròn coi như hình có 4 con-mắt.

Chó *đeo,* (huyền đề) bốn chơn có dư móng sau, hoặc nơi 2 chơn

---

biểu nó ăn chơi cho vui.

(1) Tuy đi chơi vậy, ăn uống chơi cho vui mà cũng nhớ đạo trung đạo hiếu, nên ca hát bài thạnh trị vua Nghiêu vua Thuấn ( có vậy mới thong-thả mà chơi được ), lại chúc thọ cho vua được muôn năm trường cửu.

trước, hoặc đủ cả 4 cơn. [chút.

Chó *lỗ* (đuôi), hoặc toàn sắc gì mặc lòng, mà chót đuôi trắng một

Chó *tai siềm* là chó trập tai, lại 2 tai nhỏ yếu mà sập xuống.

Chó *rái*, chó lùn thấp chơn mà lông lem-lem như lông con rái.

Chó *xù*, to lông dài lông xồm-xàm.

Chó *lùn*, nhỏ thấp chơn.

Chó *cỏ*, nhỏ con, hay sủa.

Chó *trập*, dài mỏ, 2 tai lớn, yếu nó cúp xuống.

Chó *khoang*, là chó có khoang (là khoang ăn giáp mí), hoặc nơi cổ, nơi mình, nơi đuôi, nơi chơn.

— *chơn chế*, chó đi vinh chơn.

— *tro*, sắc nó như sắc tro.

— *khói*, sắc nó như sắc khói.

## BỆNH CHÓ.

Chó *dại* (=chó *điên*). Hễ thấy chó đổ bọt mồm bọt miếng, đỏ con-mắt, lơ-lửng mặt, quít đuôi xuống, cứ chạy bậy mãi thì biết nó là chó dại. Nó cắn nhằm người-ta không biết thuốc mà trừ nọc, thì nửa sau (100 ngày trước sau) nó bắt ngợp mà chết.

Thuốc hay hơn là cây, lá, rễ, trái cà-dược sắc cho uống. Khi ngợp uống không được thì có một cái lấy nhơn-trung-huình (phẩn tươi, mới) quẹt nơi mũi thì khi ấy nó uống được khỏi ngợp.

Tên hay đặt cho chó săn, chó nhà mà kêu thì là :

Chó *chờm*, — *chụp*, — *gấu*, — *bò*, — *tìm*, — *mo*, — *theo*, — *đuổi*, — *nai*, — *riết*, — *vầm*, — *xù*, — *xoáy*, — *xi*, — *xé*, — *rức* v. v...

Có khi lại lấy theo sắc nó mà kêu làm tên nó nữa.

## MÈO. (MIÊU c.)

Mèo cũng có mèo *rừng* mèo *nhà*. Nó thì nuôi mà bắt chuột, nó đi thì *lưởng-thưởng*, ngồi thì *chúm cẳng*, nằm thì hay *nằm khoanh*; nằm *mẹp;* nó bắt chuột thì nó rình nó chụp; nó *ngừ*, nó *ngoao*, nó *quào*, nó *vả*: nó lại có tài hay *trèo*.

Mèo *mun* (=mực), nó đen hết cả mình.

— *vá*, có miếng đen, miếng trắng, miếng vàng xen nhau.

— *mướp*, mình lợt-lợt mốc-mốc có sọc đen-đen.

— *gấm*, lông xanh-xanh có sọc đen-đen, như mèo tam thể mà

— *tam thể*, đủ 3 sắc, trắng, đen, vàng. [sặm hơn.

— *vàng*, vàng tuốt cả mình.

Chó treo *mèo* đậy. Ăn như *mèo*. Thèm như *mèo* thấy mỡ. Chưởi chó mắng *mèo*. Viết như *mèo* quào. *Mèo* lành ai nỡ cắt tai. Trói *mèo;* lộn *mèo*.

Đồ *chó!* Đồ *chó* chết! hỗn như *chó*. Bòn tro đãi trấu, để cho *chó* gấu nó ăn. Coi *chó*. Cứt *chó!* Xít *chó* bó giang. *Chó* đói xấu mặt chủ nhà (người nuôi). *Chó* đẻ bốn con. *Chó* ăn thịt *chó*. Nước *chó* chấm *chó*. Như *chó*. Chúm chơn *chó*. Lỏn-lẻn như *chó* ăn vụng bột. Đánh *chó* kiêng chủ nhà. Bán *chó* treo dê.

Kêu mèo thì kêu : *Miêu miêu! mím mím!*

CA MÈO HAY MÈO DỞ.

Tướng miêu thân đoản tối vi lương,
Nhãn dụng kim ngân vĩ dụng trường,
Thinh hống bào-hao oai tợ hổ,
Lão thử văn chi lập tức vương.

Nuôi mèo thì coi làm-sao? Hễ nó kêu ngoao có oai như cọp, ấy là mèo tốt chuột sợ thất-kinh; lại thêm vắn mình đuôi dài mà nhỏ; con-mắt tỏ-rõ như con-mắt thau, ở với nhà giàu bắt không còn chuột.

Lộ trão năng phiên ngỏa,
Trường yên thị tẩu gia,
Diện trường kê noãn tiệt,
Vĩ đại lại như xà.

Mèo nào lượt-bượt, đuôi lớn dài mình, chuột phá như tinh bơ-ngơ báo-ngáo, lại thêm lộ trão là ló móng ra, tối dạo các nhà kiếm đồ ăn vụng; mặt dài miệng rộng, gà đẻ nó ăn; vô bếp xăng-văng quào tro lấp lại, trong nhà hư-hại thỏng mỡ thếp đèn, thấy đã nhiều phen đập chết mà bỏ.

## 6. — HEO (LỢN) (=THỈ)

Heo cũng có heo *rừng* heo *nhà*. Tiếng đôi hay kêu là *heo-lợn*; *heo-củi* (=cú), *heo-quéo*.

## HEO RỪNG.

HEO RỪNG — Nó lớn thì có *nanh,* nó hay *đánh*, khi đánh miệng nó *đổ bọt oáp* nó *bặp-bặp*. Nanh nó người-ta hay lấy mà làm cán dao ăn trầu.

— *lăn chai,* là heo lớn dài nanh dày da, nó không sợ thú dữ nên nó đi *độc chiếc*, một mình, không thèm đi bầy.

## HEO NHÀ

Heo *voi,* dài mỏ to xương, nuôi mau lớn.
— *cỏ,* heo thường nhỏ xương, nhỏ vóc.
— *nái*, là heo *để nái* cho nó đẻ con.
— *con,* heo mới đẻ hay-là còn nhỏ.
— *thừa vú,* là khi nái vú ít mà heo con nhiều.
— *hạch,* tự-nhiên mà lẹo dái.
— *lẹo,* thiến không hết cái bao sau nó lại lại nữa, *lẹo dái*.

## SẮC HEO.

— *đen,* sắc nó đen hết cả mình.
— *bông*, sắc trắng hết cả mình.
— *bông đai,* đen lưng tới nửa bụng chạy ra tới đuôi ; mỏ, đầu, bụng, chơn trắng.
— *lang,* mình đen, 4 cẳng trắng cùng hay-là từ nửa chơn sấp [xuống.
— *vá*, có vá đen vá trắng từ miếng.
— *vá chàm*, mình trắng vá xanh.
— *sọc dưa*, lông hue-hue thưa-thưa.
— *nưa*, dòng heo đỏ con-mắt, thịt vàng, mở vàng, dữ hay cắn.
— *ỷ*, dòng vấn mỏ nhỏ mặt.
— *đai,* (=vá)

Kêu heo thì kêu : *ụt ụt*. — Heo bỏ cũi mà đi đám cưới đám hỏi thì đặt chữ *ô tướng quân*. Heo đi lễ đi tết hoặc để sống đóng cũi, hoặc làm ra *heo đồ*, *heo quay*.

*Rửa đực* là mới chịu đực......

*Nhảy* (cái) là heo đực nhảy heo cái.

Tục bắt *vạ heo* là vạ 3 quan tiền.

Tục hay nói ví :

*Đồ ăn cám heo!* là bọn quân khờ-dại như con heo ăn những cám những chuối......

*Bậy như heo! Bậy như cháo heo!*

*Heo đồ*, là heo đã làm lông, làm lòng rồi, để nguyên con.

*Heo quay*, là heo làm để nguyên con gia vị mà quay nó đi.

*Đầu heo nọng thịt.*

*Vì đầu heo gánh gộc chuối.*

*Tiền cheo, heo khoán.*



